

**TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CP VTDK THÁI BÌNH DƯƠNG**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÁNG 10/2008

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
(PVTRANS – PACIFIC)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /TBD-HĐQT-QĐ ngày 27/10/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này quy định công tác quản lý tài chính của Công ty Cổ phần vận tải dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”), quản lý vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là “Quy chế tài chính”).
- 1.2 Công ty là đơn vị thành viên của Tổng công ty cổ phần Vận Tải Dầu Khí (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- 1.3 Ngoài những nội dung quy định tại Quy chế này, việc quản lý tài chính của Công ty được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với quy định khác của Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- 2.1 Tài sản của Công ty bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ dài hạn và các loại tài sản cố định khác); tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác) mà Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt theo quy định của pháp luật.
- 2.2 Vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- 2.3 Vốn huy động của Công ty là số vốn Công ty huy động theo các hình thức: phát hành trái phiếu, cổ phiếu, vay của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.
- 2.4 Vốn tích lũy là số vốn của Công ty được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 2.5 Đầu tư vốn ra ngoài Công ty là việc sử dụng vốn của Công ty dưới các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác và các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo toàn, phát triển vốn, tăng thu nhập của Công ty.
- 2.6 Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối hoặc vốn

góp chi phối (trên 50 % vốn điều lệ công ty góp vốn) hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty.

- 2.7 Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty không nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối (bằng hoặc nhỏ hơn 50 % vốn điều lệ công ty góp vốn).
- 2.8 Đơn vị trực thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, ban quản lý dự án do Công ty thành lập và không có tư cách pháp nhân theo luật pháp Việt Nam.
- 2.9 Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác là người được Hội đồng Quản trị Công ty cử để ứng cử hoặc tham gia vào cơ quan quản lý điều hành doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty .
- 2.10 Vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác bao gồm: vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị những tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty được Công ty đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác; giá trị cổ phần của Công ty trong công ty con, công ty liên kết; do Công ty tự huy động để đầu tư vào doanh nghiệp khác; lợi tức và lợi ích được chia do Công ty đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác được dùng (một phần hoặc toàn bộ) để tái đầu tư tại các doanh nghiệp này; và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc chung

Trong hoạt động tài chính, Công ty phải tuân thủ Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý phần vốn của Tổng Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác của Tổng Công ty.

CHƯƠNG II CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA CÔNG TY

Điều 4. Vốn điều lệ

- 4.1 Vốn điều lệ là số vốn do tất cả các Cổ đông góp hoặc cam kết góp được ghi trong Điều lệ Công ty
- 4.2 Vốn điều lệ của Công ty phải được quản lý, kế toán theo Điều lệ và pháp luật
 - 4.2.1 Số tiền, hình thức và thời gian góp vốn của các cổ đông phải được phản ánh chính xác, đầy đủ và kịp thời trong sổ cổ đông của Công ty .
 - 4.2.2 Toàn bộ số vốn được góp của các cổ đông phải được xác nhận bằng sổ cổ đông có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và được đóng dấu của Công ty.
 - 4.2.3 Số vốn góp phải được hạch toán kịp thời đúng quy định trong các tài khoản kế toán có liên quan.
- 4.3 Trong quá trình kinh doanh, Công ty có quyền điều chỉnh tăng giảm vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ của Công ty và pháp luật.

Điều 5. Huy động vốn

- 5.1 Công ty được huy động vốn của mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ nhu cầu kinh doanh, hình thức và thủ tục huy động vốn theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phải đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động, hoàn trả đầy đủ gốc và lãi vay cho chủ nợ theo cam kết.
- 5.1.1 Thâm quyền huy động vốn dưới hình thức phát hành thêm cổ phần, phát hành trái phiếu, các chứng quyền theo quy định tại Điều lệ và theo sự uỷ quyền, phân cấp của Hội đồng Quản trị, Đại hội cổ đông.
- 5.1.2 Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp tài sản cố định theo phân cấp, căn cứ vào kế hoạch đầu tư có quyền quyết định hợp đồng vay để thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch
- 5.1.3 Tổng giám đốc và người được phân cấp, uỷ quyền, trong phạm vi uỷ quyền của mình, được phép vay vốn lưu động ngân hàng và các tổ chức tín dụng để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc trong việc sử dụng vốn và quỹ do Công ty quản lý

- 6.1 Tổng giám đốc được quyền chủ động sử dụng linh hoạt toàn bộ số vốn, quỹ của Công ty vào hoạt động kinh doanh của Công ty, trừ các khoản vốn huy động mà Công ty đã cam kết mục đích sử dụng vốn. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị Công ty và pháp luật về việc bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người có liên quan đến Công ty như các cổ đông, chủ nợ, khách hàng, người lao động...
- 6.2 Trường hợp Tổng giám đốc sử dụng các quỹ do Công ty quản lý khi nhân rồi, khác với mục đích sử dụng quỹ đã quy định thì Tổng giám đốc phải đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng nhu cầu chi của các quỹ đó khi có nhu cầu sử dụng. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 7. Quản lý các khoản nợ phải trả

- 7.1 Nội dung công tác quản lý nợ phải trả:
- 7.1.1 Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả. Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn cam kết.
- 7.1.2 Thường xuyên xem xét, đánh giá phân tích khả năng thanh toán nợ của Công ty, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, tránh để phát sinh các khoản nợ quá hạn.
- 7.1.3 Kiểm kê, đối chiếu các khoản công nợ với chủ nợ, đồng thời tiến hành đánh giá phân loại nợ theo quy định hiện hành để kịp thời phát hiện các khoản nợ quá hạn, phân tích rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.
- 7.1.4 Xử lý hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá đối với nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo quy định của Nhà nước
- 7.2 Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức công tác quản lý công nợ phải trả và quyết định các biện pháp xử lý công nợ tồn đọng.

Điều 8. Bảo toàn vốn

- 8.1 Việc bảo toàn vốn tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:
- 8.1.1 Thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính, sử dụng vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.
 - 8.1.2 Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.
 - 8.1.3 Kịp thời xử lý giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không thu được và trích lập các khoản dự phòng theo quy định hiện hành gồm: dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng trợ cấp mất việc làm và thôi việc.
- 8.2 Đối với những tổn thất trên 5 tỷ đồng, Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
- 8.3 Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn chủ sở hữu nêu trên. Định kỳ báo cáo, đánh giá về mức độ bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, phân tích các khoản làm mất vốn và có khả năng làm mất vốn. Tổng giám đốc quyết định cụ thể việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 9. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

- 9.1 Công ty được sử dụng vốn và tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân theo các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập.
- 9.2 Các hình thức đầu tư vốn ra ngoài Công ty:
- 9.2.1 Đầu tư thành lập công ty có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty..
 - 9.2.2 Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, công ty liên doanh với nước ngoài tại Việt Nam, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh.
 - 9.2.3 Mua cổ phần hoặc góp vốn để hưởng cổ tức của các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty hợp danh.
 - 9.2.4 Mua lại một công ty khác.
 - 9.2.5 Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi.
 - 9.2.6 Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
- 9.3 Trên cơ sở Chiến lược phát triển, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề xuất các phương án đầu tư vào doanh nghiệp khác trong kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm để trình Đại hội cổ đông thông qua.
- 9.4 Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư vốn ra ngoài Công ty: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập mới doanh nghiệp có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty, các dự án đầu tư vào doanh nghiệp và các

khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty. với giá trị đến dưới 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.

- 9.5 Công ty không đầu tư vào hoặc góp vốn với các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty .

Điều 10. Nhượng bán phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác:

- 10.1 Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của Công ty đã đầu tư vào doanh nghiệp khác. Thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng này như quy định tại điểm 9.4.
- 10.2 Đối với công ty con có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu của Công ty, việc chuyển nhượng toàn bộ hay một phần vốn của Công ty thực hiện theo quy chế cổ phần hoá hoặc bán đấu giá doanh nghiệp.
- 10.3 Đối với vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác, việc chuyển nhượng, bán số vốn đầu tư của Công ty theo điều lệ của Doanh nghiệp này. Việc chuyển nhượng cổ phần hay số vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác thực hiện theo giá thị trường.

**CHƯƠNG III
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 11. Tài sản của Công ty:

- 11.1 Tài sản của Công ty bao gồm tài sản lưu động, các khoản đầu tư ngắn hạn, tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn được hình thành từ vốn điều lệ, vốn vay và các nguồn vốn khác. Công ty có quyền cầm cố, thế chấp, cho thuê, nhượng bán, thanh lý các tài sản thuộc sở hữu của Công ty, được thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 12. Quản lý vốn bằng tiền

- 12.1 Công ty quản lý tập trung vốn bằng tiền thông qua hệ thống tài khoản trung tâm của Công ty. Các công ty con và đơn vị trực thuộc phải tham gia hệ thống tài khoản trung tâm theo quy định của Công ty.

Điều 13. Tài sản cố định, đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định

- 13.1 Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn để xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.
- 13.2 Thẩm quyền quyết định đầu tư, xây dựng và mua sắm, nâng cấp và sửa chữa tài sản cố định thực hiện phù hợp với Điều lệ, quy định phân cấp đầu tư, xây dựng, mua sắm, nâng cấp và sửa chữa tài sản cố định của Công ty.
- 13.3 Việc đầu tư mua sắm tài sản phải có hoặc đảm bảo có nguồn vốn dài hạn tài trợ; Công ty và các Công ty con không được đầu tư mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn ngắn hạn hoặc chiếm dụng ngắn hạn. Tổng giám đốc có trách

nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư, sửa chữa.

- 13.4 Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng mua sắm hàng hoá, dịch vụ, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu... để phục vụ sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

Điều 14. Quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định.

- 14.1 Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty (bao gồm tài sản cố định không cần dùng, chưa dùng, chờ thanh lý) đều phải được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo quy định hiện hành. Tổng giám đốc quyết định mức khấu hao cụ thể của từng tài sản.

Đối với tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động kinh doanh thì không phải trích khấu hao nữa.

- 14.2 Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát, phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý, bồi thường. Tổng Giám đốc quyết định mức bồi thường.
- 14.3 Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm theo dõi hạch toán kế toán các nghiệp vụ tăng, giảm, đầu tư xây dựng cơ bản, trích khấu hao theo chuẩn mực kế toán và quy định hiện hành.

Điều 15. Sử dụng tài sản của Công ty làm biện pháp bảo đảm.

- 15.1 Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có quyền quyết định sử dụng tài sản tương ứng làm biện pháp bảo đảm.
- 15.2 Việc sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm phải tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 16. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.

- 16.1 Công ty chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được; các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn.
- 16.2 Việc nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện theo giá thỏa thuận.
- 16.3 Người có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định về phân cấp đầu tư của Công ty có thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các dự án đầu tư tài sản cố định dở dang tương ứng.
- 16.4 Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do nhượng bán tài sản cố định, các dự án đầu tư tài sản cố định dở dang với giá trị còn lại của tài sản, chi phí đầu tư tài sản cố định dở dang và chi phí nhượng bán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 17. Quản lý hàng tồn kho.

- 17.1 Hàng tồn kho (bao gồm cả hàng hóa mua về để bán) còn tồn kho, nguyên nhiên, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang đang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.
- 17.2 Hàng tồn kho là công cụ dụng cụ lao động được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 1 năm hoặc 2 năm tùy thuộc vào tính chất và giá trị tài sản. Khi phân bổ hết giá trị nhưng vẫn còn giá trị sử dụng thì phải tiếp tục theo dõi chi tiết để quản lý.
- 17.3 Tổng giám đốc có trách nhiệm xử lý ngay những hàng tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.
- 17.4 Kế toán trưởng có trách nhiệm kế toán hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 18. Quản lý các khoản nợ phải thu.

- 18.1 Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong quản lý nợ phải thu:
Xây dựng và ban hành quy định quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ. Tổng giám đốc quyết định mức bồi thường thiệt hại, kỷ luật đối với tập thể, cá nhân liên quan.
- 18.2 Kế toán trưởng có trách nhiệm kế toán các khoản nợ phải thu theo chuẩn mực kế toán và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Kiểm kê, đối chiếu các khoản phải thu với khách nợ; phân loại nợ, xác định các khoản nợ khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi và xác định nguyên nhân, trách nhiệm các cá nhân, tập thể báo cáo Tổng giám đốc xử lý. Tiêu thức xác định nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- 18.3 Chi nhánh, văn phòng đại diện, và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của Công ty trực tiếp phát sinh các khoản nợ, thủ trưởng Đơn vị cùng phụ trách kế toán có trách nhiệm quản lý theo dõi công nợ phải thu theo các nội dung tại Quy chế này và chịu trách nhiệm về các khoản công nợ phát sinh tại đơn vị mình.
- 18.4 Tổng giám đốc được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, bao gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi để thu hồi vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Kiểm kê tài sản.

- 19.1 Tổng giám đốc phải tổ chức kiểm kê định kỳ vào thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 hàng năm; khi thực hiện quyết định chia tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu, sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty, hoặc theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 19.2 Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Điều 20. Xử lý tài sản tổn thất

- 20.1 Tài sản tổn thất bao gồm tài sản mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mẫu mốt, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất.
- 20.2 Công ty phải xác định giá trị bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:
- 20.2.1 Nếu nguyên nhân do chủ quan của tập thể và cá nhân thì người gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Tổng giám đốc quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.
- 20.2.2 Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
- 20.2.3 Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Điều 21. Đánh giá lại tài sản

- 21.1 Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:
- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Thực hiện chuyển đổi sở hữu công ty.
 - Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty.
- 21.2 Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN

Điều 22. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

- 22.1 Doanh thu, thu nhập khác của Công ty bao gồm toàn bộ số tiền đã thu, sẽ thu được do việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm, hàng hóa, hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Công ty.
- 22.1.1 Doanh thu hoạt động kinh doanh thông thường bao gồm:
- Doanh thu từ bán sản phẩm, hàng hóa, cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ.
 - Các khoản phí thu thêm ngoài giá bán: trợ giá, phụ thu, phụ trội... mà Công ty được hưởng,
 - Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác.
- 22.1.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm:
- Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho thuê tài sản, tiền lãi cho vay vốn, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ.
 - Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ hoạt động

đầu tư ra ngoài Công ty.

- Thu lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính ;
- Chênh lệch do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

22.1.3 Thu nhập khác gồm: các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản, các khoản phải trả nay mất chủ; tiền bảo hiểm được bồi thường; tiền nộp phạt của khách hàng vi phạm hợp đồng; giá trị quà nhận biếu, quà tặng; khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu, khoản nợ không có khả năng thu hồi đã xử lý nay thu hồi được và các khoản thu khác được ghi tăng thu nhập.

22.2 Công ty được sử dụng toàn bộ doanh thu thuần, thu nhập khác để bù đắp các chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

22.3 Tiêu chuẩn xác định doanh thu, thu nhập khác căn cứ vào chuẩn mực kế toán và các quy định của Nhà nước.

22.4 Kế toán trưởng Công ty thực hiện kế toán doanh thu và thu nhập khác theo quy định hiện hành. Tổ chức kế toán quản trị theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập khác theo loại hình dịch vụ, hợp đồng, đáp ứng cung cấp kịp thời thông tin cho việc quản lý điều hành Công ty.

22.5 Tổng giám đốc xây dựng quy trình cụ thể về nội dung tài liệu, chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo doanh thu của Đơn vị được tính đúng, đủ và kịp thời.

Điều 23. Chi phí hoạt động kinh doanh

23.1 Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà Công ty phải bỏ ra trong năm tài chính. Việc phân loại chi tiết chi phí theo hướng dẫn của Nhà nước và yêu cầu quản lý của Công ty.

23.2 Việc xác định, kế toán chi phí sản xuất kinh doanh để tính lãi (lỗ) tài chính và thu nhập chịu thuế trong năm tài chính căn cứ vào các chuẩn mực kế toán và các quy định về luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

23.3 Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn gốc đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành như:

- Các khoản chi hình thành tài sản cố định
- Các khoản chi mang tính chất phúc lợi;
- Các khoản chi không mang danh Công ty.
- Các khoản chi phí khác mà theo quy định của pháp luật không được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Điều 24. Quản lý chi phí.

24.1 Các biện pháp thực hiện quản lý chi phí:

- 24.1.1 Tổng giám đốc xây dựng đơn giá tiền lương, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của Công ty trình Hội đồng Quản trị phê duyệt.
- 24.1.2 Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí và phải phổ biến đến tận người thực hiện, nhất là các định mức chi phí về giao dịch, tiếp khách, hội họp, phát triển thị trường, marketing, tỷ lệ hoa hồng môi giới, hoa hồng đại lý; quyết định hình thức trả lương cho người lao động phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và tình hình kinh doanh của Công ty.
- 24.1.3 Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch chi phí theo từng khoản mục phí để quản lý chi phí cho năm tài chính.
- 24.1.4 Thực hiện các biện pháp quản lý về giá trong mua bán để đảm bảo các khoản chi phí có giá cạnh tranh như: đấu thầu, chào hàng cạnh tranh....
- 24.1.5 Kế toán trưởng định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm của Công ty nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.
- 24.1.6 Xây dựng quy trình cụ thể về nội dung, tài liệu chứng từ và trách nhiệm cá nhân, phòng ban, đơn vị trong quá trình thực hiện các chi phí được giao hoặc phân cấp. Đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng và đầy đủ của chứng từ chi phí.
- 24.2 Tổng Giám đốc quyết định và chịu trách nhiệm về các khoản chi. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền và phân cấp cho cá nhân trong đơn vị được quyết định chi các khoản chi phí. Nội dung phân cấp, ủy quyền sẽ được Tổng giám đốc quyết định cụ thể. Người được ủy quyền hoặc phân cấp quyết định chi phải chịu trách nhiệm về các khoản chi trước pháp luật, Tổng Giám đốc.
- 24.3 Đối với các khoản chi vượt định mức, sai quy định, cá nhân đề xuất và quyết định chi phải chịu trách nhiệm bồi hoàn, Tổng giám đốc quyết định việc bồi hoàn.

Điều 25. Giá thành sản phẩm, chi phí dịch vụ tiêu thụ.

- 25.1 Tổng giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá thành hàng hóa bán ra) bao gồm: giá thành sản phẩm hàng hóa, chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ (hoặc giá vốn hàng hóa bán ra); chi phí quản lý Công ty phát sinh trong kỳ; chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo quy định pháp luật.
- 25.2 Kế toán trưởng tổ chức theo dõi chi tiết giá thành theo loại hình dịch vụ, sản phẩm, hợp đồng, báo cáo phân tích, cung cấp thông tin cho công tác quản lý của Công ty.

Điều 26. Lợi nhuận thực hiện.

- 26.1 Lợi nhuận thực hiện trong năm của Công ty là tổng của lợi nhuận hoạt động kinh doanh, và lợi nhuận hoạt động khác phát sinh từ Công ty, đơn vị hạch

toán phụ thuộc, các khoản đầu tư ra ngoài Công ty và các Công ty con.

- 26.2 Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm:
- Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ với giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
 - Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- 26.3 Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 27. Phân phối lợi nhuận.

- 27.1 Công ty quản lý thống nhất toàn bộ lợi nhuận thực hiện sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 27.2 Lợi nhuận thực hiện hàng năm của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được sử dụng theo quyết định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và phù hợp với Điều lệ của Công ty.

Điều 28. Mục đích sử dụng các quỹ.

- 28.1 Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh, bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 28.2 Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 28.3 Quỹ khen thưởng được dùng để:
- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Mức thưởng do Tổng Giám đốc quyết định trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty và tham khảo ý kiến của công đoàn Công ty trước khi quyết định.
 - Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty. Mức thưởng do Tổng giám đốc quyết định.
 - Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty. Mức thưởng do Tổng giám đốc quyết định.
- 28.4 Quỹ phúc lợi được dùng để:
- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
 - Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
 - Trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội;
 - Việc quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi do Tổng giám đốc Công ty quyết định.

Những khoản chi quỹ phúc lợi liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động có tham khảo ý kiến của công đoàn Công ty.

- 28.5 Quỹ thưởng cơ quan quản lý điều hành Công ty được sử dụng để thưởng cho cơ quan quản lý Công ty và Tổng giám đốc cùng bộ máy giúp việc. Mức thưởng do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 29. Tài khoản ngân hàng

- 29.1 Công ty mở tài khoản tại ngân hàng hoạt động ở Việt Nam và có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 29.2 Công ty thiết lập tài khoản trung tâm và các công cụ quản lý phù hợp khác để quản lý và điều phối tập trung vốn bằng tiền của các đơn vị phụ thuộc, các công ty con trong Công ty.

Điều 30. Kế hoạch tài chính

- 30.1 Trước thời hạn ngày 30 tháng 10 hàng năm, căn cứ chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu về vốn của Công ty, Tổng giám đốc trình Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính (ngân sách) hàng năm của Công ty. Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tài chính chậm nhất là ngày 31/3 năm kế hoạch.
- 30.2 Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả việc thực hiện các kế hoạch hàng năm này cho Hội đồng Quản trị Công ty trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

Điều 31. Chế độ kế toán

- 31.1 Công ty áp dụng kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 31.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Chứng từ sổ sách kế toán (kể cả dữ liệu trong phần mềm kế toán) đảm bảo chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đầy đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. Việc lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật.
- 31.3 Các hoạt động kinh tế phát sinh được phản ánh bằng Đồng Việt Nam, nếu có phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- 31.4 Việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài doanh nghiệp chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Tổng giám đốc hoặc do quy định của luật pháp.
- 31.5 Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty theo chế độ và các chuẩn mực về kế toán của Nhà nước, chịu trách nhiệm

trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

Điều 32. Báo cáo tài chính

- 32.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch cùng năm.
- 32.2 Báo cáo tài chính của Công ty, công ty con, đơn vị trực thuộc, báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo, tài liệu bổ trợ khác được lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.
- 32.3 Trong thời hạn 40 ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính của Công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp Công ty - Công ty con để Hội đồng quản trị thông qua.
- 32.4 Báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng và gửi tới các cơ quan quản lý, đơn vị liên quan theo quy định hiện hành.
- 32.5 Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

Điều 33. Kiểm toán

- 33.1 Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật. Mục tiêu kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Tổng giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị.
- 33.2 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, Công ty mẹ, các công ty con được kiểm toán độc lập theo quy định.
- 33.3 Việc kiểm toán Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG VI QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 34. Quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

- 34.1 Công ty thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu vốn với số vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn tại doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua (i) việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là chủ sở hữu vốn hoặc là cổ đông, hoặc là người góp vốn; và (ii) việc cử người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.
- 34.2 Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty này. Tổng Giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Công ty có trách nhiệm báo cáo hàng quý và hàng năm cho Hội đồng Quản trị tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
- 34.3 Trường hợp Công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại doanh nghiệp khác (dưới

5% vốn điều lệ công ty góp vốn) thì Công ty không cần phải cử người đại diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Trường hợp này, Tổng giám đốc phải tổ chức theo dõi số vốn đầu tư và số lợi tức được chia từ phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp này và phân công người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp khác.

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện.

- 35.1 Quyền, nghĩa vụ của người đại diện tại doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty được quy định trong Điều lệ của doanh nghiệp đó và các quy định của Công ty.
- Khi được uỷ quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội cổ đông, họp Hội đồng thành viên, họp các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Công ty.
- 35.2 Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp. Định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo cho Công ty về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ được Công ty giao.
- 35.3 Người đại diện tham gia cơ quan quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu đề xuất phương hướng biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong ban giám đốc, trong hội đồng quản trị, trong đại hội cổ đông hay trong cuộc họp hội đồng thành viên hay bên liên doanh như: phương hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, huy động thêm cổ phần, vốn góp, phương án xử lý lỗ, chia cổ tức, các giao dịch có giá trị lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp, việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp thì người đại diện phải xin ý kiến của Công ty trước khi họp và biểu quyết. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia hội đồng quản trị, cơ quan quản lý điều hành của doanh nghiệp khác thì phải cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý kiến khi trước khi phát biểu và biểu quyết.
- 35.4 Người đại diện tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó theo mục tiêu định hướng của Công ty.
- 35.5 Người đại diện yêu cầu, đơn đốc doanh nghiệp chuyển phần lợi tức được chia về Công ty kịp thời.
- 35.6 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp và Công ty giao.
- 35.7 Chịu trách nhiệm trước Công ty về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.
- 35.8 Hội đồng quản trị Công ty phân cấp cho người đại diện phần vốn của Công ty quyết định các dự án đầu tư theo các quyết định phân cấp cụ thể phù hợp với các quy định của Pháp luật, của Tập đoàn Dầu khí Việt nam và của Tổng Công ty.

Điều 36. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện.

- 36.1 Người đại diện tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả.
- 36.2 Người đại diện ở doanh nghiệp khác không được doanh nghiệp khác trả lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ quyền lợi khác thì Công ty là người trả lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác cho người đại diện.
- 36.3 Người đại diện không được cùng lúc hưởng lương, tiền thưởng ở cả hai nơi.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ TÀI CHÍNH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC.

Điều 37. Mối quan hệ tài chính giữa Công ty với công ty TNHH 1 TV, Công ty con.

- 37.1 Công ty tiến hành giao vốn và tài sản cho các công ty TNHH một thành viên, xác định rõ nguồn hình thành các tài sản được giao.
- 37.2 Công ty TNHH một thành viên quản lý và chủ động sử dụng số vốn của Công ty; tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm dân sự bằng toàn bộ tài sản của Công ty.
- 37.3 Theo nhu cầu sản xuất, Công ty có thể đầu tư và giao tài sản cho các công ty sử dụng, hoặc có thể điều chuyển tài sản do Công ty đầu tư giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên và giữa các công ty TNHH một thành viên và không làm thay đổi vốn điều lệ của Công ty.
- 37.4 Tổng giám đốc quyết định mức khấu hao đối với các tài sản do Công ty đầu tư giao xuống cho Công ty con sử dụng. Các tài sản không phải do Công ty đầu tư giao xuống, Công ty con quyết định mức khấu hao và đăng ký với Công ty theo dõi.
- 37.5 Thanh lý, nhượng bán các tài sản cố định do Công ty con quản lý: Đối với các tài sản do Công ty giao và đầu tư thì do Công ty quyết định việc thanh lý, nhượng bán. Các tài sản cố định còn lại do Công ty con chủ động thanh lý, nhượng bán và phải báo cáo Công ty trước khi thực hiện.
- 37.6 Công ty con có nghĩa vụ thực hiện kế hoạch kinh doanh chung của Công ty, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh, phối hợp với Công ty thực hiện các hợp đồng kinh tế do Công ty ký kết và giao cho Công ty con thực hiện, việc Công ty giao việc cho các công ty con được thực hiện dưới hình thức ký kết hợp đồng hoặc các hình thức khác.
- 37.7 Tổ hợp Công ty - Công ty con có trách nhiệm ưu tiên sử dụng và cung cấp tất cả các dịch vụ nội bộ, đơn giá dịch vụ và các điều kiện khác sẽ do các đơn vị tự thỏa thuận và báo cáo Công ty quyết định.
- 37.8 Công ty con tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản chi phí sau: Chi phí quản lý Công ty phân bổ; Chi phí sử dụng vốn đầu tư tài sản cố định do Công ty đầu tư; Phí sử dụng vốn lưu động của Công ty và các khoản chi phí khác do Công ty chi hộ.

- 37.9 Công ty tính vào chi phí sản xuất kinh doanh và hoàn trả Công ty con chi phí sử dụng vốn lưu động của Công ty con do Công ty sử dụng và các khoản chi phí Công ty con chi hộ.
- 37.10 Tổng giám đốc quy định mức phí quản lý phân bổ hàng năm và chi phí sử dụng vốn dài hạn và lưu động cho từng Công ty con.
- 37.11 Công ty con chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty; định kỳ hàng quý và hàng năm báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về Công ty và báo cáo tài chính của Công ty con với Công ty.
- 37.12 Lợi nhuận thực hiện sau thuế của Công ty con được sử dụng theo phương án được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt. Công ty thống nhất quản lý tập trung các quỹ phát triển sản xuất kinh doanh, quỹ dự phòng tài chính.
- 37.13 Định kỳ Công ty con có trách nhiệm nộp về Công ty những khoản sau:
- Chi phí quản lý Công ty phân bổ,
 - Phí sử dụng vốn ngắn hạn và dài hạn của Công ty,
 - Hoàn trả các khoản chi do Công ty chi hộ,
 - Hoàn trả vốn gốc các tài sản cố định do Công ty đầu tư (dưới hình thức thu khấu hao),
 - Nộp lợi nhuận chia cho chủ sở hữu và các quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính của Công ty TNHH một thành viên.
- 37.14 Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty con trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty con.

Điều 38. Mọi quan hệ giữa Công ty với các công ty liên kết.

- 38.1 Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty này.
- 38.2 Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty và các công ty liên kết này được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế.

Điều 39. Mọi quan hệ giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- 39.1 Đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ tài sản của đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.
- 39.2 Công ty thực hiện chế độ hạch toán kế toán tập trung. Kết quả hoạt động của các đơn vị phụ thuộc được thể hiện trong báo cáo tài chính của Công ty.
- 39.3 Quyền hạn và trách nhiệm của Đơn vị trực thuộc:
- 39.3.1 Hạch toán phụ thuộc theo phân cấp tại quy chế này, có con dấu, được mở tài khoản chính tiền gửi tại một ngân hàng trong nước phù hợp với hệ thống tài khoản trung tâm của Công ty, có bảng cân đối kế toán.
- 39.3.2 Được Công ty ủy quyền quản lý vốn và tài sản tại đơn vị, thực hiện các quyết định của Công ty về điều chỉnh vốn và các nguồn lực trên cơ sở

phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô tổ chức sản xuất, dịch vụ và kế hoạch Công ty giao. Đơn vị chịu trách nhiệm trước Công ty về bảo toàn và hiệu quả sử dụng vốn, tài sản tại đơn vị.

- 39.3.3 Được chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ, kế hoạch được Công ty giao.
 - 39.3.4 Được quyền ký các hợp đồng kinh tế và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ theo phân cấp, hoặc ủy quyền của Công ty.
 - 39.3.5 Hàng năm, lập kế hoạch chi tiết về doanh thu, chi phí, đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học và đào tạo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị trên cơ sở đảm bảo tiết kiệm, hạ giá thành, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm - dịch vụ trình Công ty xem xét phê duyệt.
 - 39.3.6 Đơn vị quản lý, theo dõi doanh thu, chi phí phát sinh theo quy định của Nhà nước và Quy chế này. Thẩm quyền duyệt chi được Công ty phân cấp cụ thể cho từng đơn vị phù hợp với đặc thù và tình hình sản xuất kinh doanh trong từng thời kỳ của đơn vị.
 - 39.3.7 Các khoản chi phí đơn vị chi theo các định mức, quy định của Công ty và chế độ tài chính hiện hành. Đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện quy trình kế toán thanh toán để quản lý tốt quá trình tập hợp chứng từ, kiểm tra, trình duyệt và thanh toán các khoản chi phí của đơn vị.
 - 39.3.8 Đơn vị có trách nhiệm kế toán đầy đủ các khoản doanh thu và chi phí thực tế phát sinh ở đơn vị theo quy định và được phản ánh tập trung ở Công ty.
 - 39.3.9 Đơn vị chịu sự điều động của Công ty về tài sản và nguồn vốn.
- 39.4 Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị trực thuộc, đồng thời đơn vị sẽ ghi nhận toàn bộ chi phí sử dụng vốn (theo quy định của Công ty) vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đơn vị được hưởng quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy chế sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi của Công ty.
- 39.5 Các đơn vị chịu sự kiểm tra, thanh tra tài chính và kiểm toán của Công ty và các cơ quan tài chính có thẩm quyền

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Điều khoản thi hành

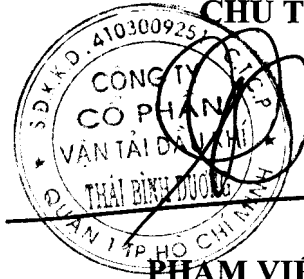
- 40.1 Quy chế tài chính này bao gồm 8 chương 40 điều. Tổng Giám đốc Công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty, Người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, Giám đốc các công ty con chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh theo các quy định tại Quy chế này.
- 40.2 Các công ty con xây dựng Quy chế tài chính trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, các nội dung trong Quy chế tài chính của Công ty con phù hợp với đặc thù của từng đơn vị và không được trái hoặc mâu thuẫn với các quy định

trong quy chế này.

- 40.3 Ngoài các quy định tại Quy chế tài chính này, Công ty phải thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính và hạch toán kế toán.
- 40.4 Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt trên cơ sở kiến nghị của Tổng giám đốc Công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *nam*



PHẠM VIỆT ANH